

Bản án số: 25/2017/DS-ST

Ngày 01 - 9 - 2017

V/V tranh chấp hợp đồng vay tài sản,  
hợp đồng thế chấp tài sản và thực hiện  
nghĩa vụ do người chết để lại.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyền*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Ông Bùi Minh Cảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:** ông Trần Khánh Trường.

Trong các ngày 24 tháng 8 và ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2014/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2014, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Khu phố II, thị trấn T3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt H– Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc D– Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Hoàng V-  
Chức vụ: Phó Giám đốc.

Địa chỉ: khu phố II, thị trấn T3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

## 2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: khu phố II, thị trấn T3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Đỗ Thanh H, sinh năm 1962. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Kinh I, xã Đ, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

- Anh Phan Vĩnh P, sinh năm 1994 (con của ông Phan Văn H).

- Cháu Phan Minh K, sinh năm 2005 (con của ông Phan Văn H).

Địa chỉ: khu phố II, thị trấn T3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Lê Thị S, sinh năm 1943 (mẹ của ông Phan Văn H). Vắng mặt, có lý do

Địa chỉ: khu phố ĐQ, thị trấn T3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Phan Văn P: Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1965 là mẹ ruột.

Người giám hộ cho cháu Phan Minh K: Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1965 là mẹ ruột.

Địa chỉ: khu phố II, thị trấn T3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2014 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 trình bày:** Nguyên trước đây, ông Phan Văn H có vay của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 theo ba hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 12.11.065/HĐTD ngày 22/11/2012 với số tiền vay là 150.000.000đ, lãi suất 1,79%/tháng, 06 tháng đóng tiền lãi một lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn trả nợ vay đến ngày 22/12/2013. Khi vay thì vợ chồng ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N có dùng tài sản của mình thế chấp để đảm bảo nợ vay cho ông Phan Văn H là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 931046, diện tích 262,8m<sup>2</sup>, đất vườn tạp, do UBND huyện An Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Thanh H ngày 26/9/2001. Hai bên đã tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba theo hợp đồng thế chấp số 065/11 ngày 22/11/2012.

2. Hợp đồng tín dụng số 13.04.072/HĐTD, ngày 25/4/2013, ngày đến hạn trả nợ vay là ngày 25/5/2014, số tiền vay là: 150.000.000đ, lãi suất 1,50%/tháng, 06 tháng đóng lãi một lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Khi vay ông Phan Văn H có thế chấp tài sản để bảo đảm nợ vay theo hợp

đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/07, ngày 25/07/2013, tài sản thế chấp gồm: diện tích đất 57m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị tọa lạc tại khu vực 2, thị trấn T3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện An Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thanh H theo giấy số AI 801986, ngày 20/6/2007.

3. Hợp đồng tín dụng số 13.07.105/HĐTD, ngày 25/5/2013, ông Phan Văn H vay số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 0,833%/tháng, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn. Khi vay ông Phan Văn H có thế chấp tài sản là diện tích đất 9.182m<sup>2</sup>, loại đất lúa + đất ở nông thôn + vườn tạp tọa lạc tại khu vực 2, thị trấn T3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện An Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Văn H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ232770 (không ghi ngày tháng năm cấp).

Cả ba hợp đồng vay trên thể hiện người thừa kế số tiền vay của ông Phan Văn H là bà Nguyễn Thanh H (vợ ông Hùng) và bà Hoa có ký tên vào hợp đồng thế chấp tài sản. Tuy nhiên, do chỗ quen biết nên Quỹ tín dụng không mời bà Hoa đến trực tiếp ký tên mà đưa hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản cho ông Phan Văn H về đưa bà Hoa ký, còn bà Hoa có trực tiếp ký hay không thì Quỹ tín dụng không biết.

Từ ngày vay đến nay ông Phan Văn H không đóng tiền lãi và trả tiền gốc cho Quỹ tín dụng theo hợp đồng tín dụng nói trên.

Nay ông Phan Văn H đã chết nên Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 yêu cầu hàng thừa kế của ông Phan Văn H là bà Nguyễn Thanh H (vợ ông Hùng), cháu Phan Vĩnh P, Phan Minh K (Con ông Hùng) và bà Lê Thị S (Mẹ ông Hùng) có trách nhiệm trả nợ cho ông Phan Văn H theo ba hợp đồng vay tín dụng nêu trên với số tiền gốc là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đến khi giải quyết xong vụ án. Đối với hợp đồng thế chấp số 065/11 ngày 22/11/2012, nội dung vợ chồng ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N dùng quyền sử dụng đất của mình để thế chấp nợ vay cho ông Phan Văn H nay có kết luận giám định chữ ký trong hợp đồng không phải vợ chồng ông ký tên nên Quỹ tín dụng không yêu cầu xử lý tài sản này và đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N.

**Bị đơn, Nguyễn Thanh H trình bày:** Bà xác định từ trước đến nay bà không có cùng chồng bà là ông Phan Văn H ký bất kỳ hợp đồng tín dụng nào để vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 và cũng không có ký hợp đồng thế chấp tài sản để cho ông Phan Văn H vay tiền, việc thế chấp và vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 lúc ông Phan Văn H chồng bà còn

sống như thế nào thì bà không rõ, đến sau khi chồng bà chết thì Quỹ tín dụng mới cho bà hay sự việc chồng bà vay vốn. Đối với số tiền chồng bà là ông Phan Văn H vay cả ba hợp đồng tổng cộng là 600.000.000đ thì bà cũng không biết ông Hùng vay để sử dụng vào việc gì. Trong các hợp đồng vay thì ông Hùng có lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Thanh H để thế chấp cho ông Phan Văn H vay 150.000.000đ, bà xác nhận ông Đỗ Thanh H không có ký thế chấp cho ông Phan Văn H vay tiền mà do ông Đỗ Thanh H gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn H quản lý thì ông Phan Văn H tự ý lấy giấy đi thế chấp vay tiền Quỹ tín dụng.

Nay ông Phan Văn H đã chết bà không đồng ý trả nợ tiền vay 600.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng vay cho Quỹ tín dụng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Đồng thời yêu cầu Quỹ tín dụng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N.

**Bị đơn, ông Đỗ Thanh H trình bày:** Ông với ông Phan Văn H là anh em bạn rể với nhau, do ông thường xuyên đi làm ăn không có ở nhà nên ông đã gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông cho ông Phan Văn H quản lý giữ. Sau khi ông Phan Văn H chết thì ông mới biết ông Phan Văn H đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông để thế chấp vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 với số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Ông xác nhận từ trước đến giờ ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị N không hề ký hợp đồng thế chấp nào để bảo đảm nợ vay cho ông Phan Văn H. Hiện nay cũng đã có kết luận giám định chữ ký trong hợp đồng thế chấp ngày 22/11/2012 không phải của vợ chồng ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 trả lại cho vợ chồng ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 931046 do Ủy ban nhân dân huyện An Biên cấp cho ông Đỗ Thanh H ngày 26/9/2001. Đồng thời yêu cầu Quỹ tín dụng trả lại tiền chi phí giám định cho vợ chồng ông.

**Bị đơn, bà Nguyễn Thị N trình bày:** Bà là vợ của ông Đỗ Thanh H, bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Đỗ Thanh H. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

**Bị đơn, bà Lê Thị S trình bày tại bản tự khai ngày 12/11/2016:** Bà là mẹ ruột của ông Phan Văn H, hiện nay ông Phan Văn H đã chết. Khi còn sống ông Phan Văn H vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3, việc vay tiền thì bà không biết do Phan Văn H đã có gia đình và sống riêng. Khi Phan Văn H chết thì tài sản của Phan Văn H gồm nhà và đất thì vợ và con của ông Phan Văn H là thừa kế quản lý tài sản của ông Hùng, bà không nhận tài

sản và yêu cầu gì đối với tài sản của ông Hùng để lại nên bà không có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng.

**Tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp gồm:**

Nguyên đơn cung cấp: các đơn đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng ngày 22/11/2012, hợp đồng tín dụng ngày 25/4/2013, hợp đồng tín dụng ngày 25/7/2013; đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 11/12/2012, hợp đồng ngày 22/11/2012, hợp đồng ngày 25/4/2013, hợp đồng ngày 25/7/2013; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đỗ Thanh H, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Văn H, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mang tên Phan Văn H và bà Nguyễn Thanh H; 05 phiếu chi tiền và 05 giấy nhận nợ của ông Phan Văn H; bản kê tiền lãi.

**Tại phiên tòa:** Các đương sự yêu cầu và thỏa như sau:

Phần các đương sự thống nhất nhau:

Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 và bà Nguyễn Thanh H thống nhất phần tiền vay 600.000.000đ là do ông Phan Văn H trực tiếp vay với Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 chứ bà Hoa không cùng vay số tiền này với ông Phan Văn H.

Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 và ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thanh H cùng thống nhất không xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất của ông Đỗ Thanh H để bảo đảm số tiền vay 150.000.000đ của ông Phan Văn H theo hợp đồng tín dụng số 12.11.065/HĐTD ngày 22/11/2012.

Phần không thỏa thuận được:

Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn H là bà Nguyễn Thanh H (vợ ông Hùng), cháu Phan Vĩnh P, Phan Vĩnh Khôi (Con ông Hùng) và bà Lê Thị S (mẹ ông Hùng) có trách nhiệm thay cho ông Phan Văn H trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 số tiền ông Phan Văn H nợ theo ba hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi giải quyết xong vụ án. Bà Hoa yêu cầu Quỹ tín dụng miễn toàn bộ tiền lãi đối với ba hợp đồng tín dụng ông Hùng vay nói trên thì bà sẽ đứng ra trả lại số tiền gốc cho Quỹ tín dụng là 600.000.000đ.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Đối với đương sự tham gia giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông Phan Văn H có vay của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 theo ba hợp đồng vay (hợp đồng tín dụng) với số tiền gốc là 600.000.000đ, nay ông Phan Văn H đã chết nên Quỹ tín dụng yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Phan Văn H theo ba hợp đồng vay là có cơ sở chấp nhận. Đối với cả ba hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm số nợ ông Phan Văn H vay 600.000.000đ do Quỹ tín dụng cung cấp, cả ba hợp đồng này do ông Phan Văn H tự ký thay cho ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thanh H nên hợp đồng này là giả tạo, cần tuyên bố ba hợp đồng này vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo Điều 137 Bộ luật dân sự 2005.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn cùng cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn H là bà Nguyễn Thanh H, cháu Phan Vĩnh P, Phan Minh K và bà Lê Thị S thực hiện nghĩa vụ do ông Phan Văn H chết để lại là trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 tổng số tiền vay là 600.000.000đ, tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đồng thời xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Đối với bà Nguyễn Thanh H và vợ chồng ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N cho rằng không có ký tên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nợ vay cho ông Phan Văn H và không đồng ý xử lý tài sản thế chấp nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thanh H có hai người con là Phan Vĩnh P và Phan Minh K; cha ông Phan Văn H là ông Phan Văn Hải (đã chết 2014), mẹ ông Hùng tên Lê Thị S. Căn cứ vào Điều 676 Bộ luật dân sự 2005, xác định vợ ông Hùng là bà Nguyễn Thanh H, các con ông Hùng là Phan Vĩnh P, Phan Minh K và mẹ ông Hùng là bà Lê

Thị S là hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn H tham gia với tư cách đồng bị đơn.

Về thủ tục tố tụng: Đối với bà Lê Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và bà đã có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử, xét thấy đại diện nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 cung cấp cho Tòa án ba bản hợp đồng tín dụng thể hiện nội dung ông Phan Văn H vay tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3, cụ thể như sau: Hợp đồng thứ nhất là hợp đồng tín dụng số 12.11.065/HĐTD ngày 22/11/2012. Nội dung ông Phan Văn H vay 150.000.000đ, lãi suất 1,79%/tháng, 06 tháng đóng tiền lãi một lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn trả nợ vay đến ngày 22/12/2013; hợp đồng thứ hai là hợp đồng số 13.04.072/HĐTD, ngày 25/4/2013, ngày đến hạn trả nợ vay là ngày 25/5/2014, số tiền vay là: 150.000.000đ, lãi suất 1,50%/tháng, 06 tháng đóng lãi một lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; hợp đồng thứ ba là hợp đồng tín dụng số 13.07.105/HĐTD, ngày 25/5/2013, ông Hùng vay số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 0,833%/tháng, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn. Tổng số tiền gốc ông Phan Văn H vay của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 theo ba hợp đồng tín dụng nêu trên là 600.000.000đ. Xét cả ba hợp đồng tín dụng này giữa ông Phan Văn H với Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 hoàn toàn tự nguyện, khi ký hợp đồng các bên có năng lực hành vi đầy đủ, nội dung phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

Theo các chứng cứ Quỹ tín dụng cung cấp cho Tòa án thì thấy rằng ông Phan Văn H đã nhận đủ số tiền vay của cả ba hợp đồng tín dụng nói trên là 600.000.000đ ( Sáu trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử, xét thấy cả ba hợp đồng tín dụng nêu trên thể hiện người thừa kế số tiền vay của Phan Văn H là bà Nguyễn Thanh H là vợ ông Phan Văn H, nhưng bà Hoa cho rằng bà không ký hợp đồng vay này và tại phiên tòa đại diện Quỹ tín dụng và bà Nguyễn Thanh H thông nhất xác nhận số tiền vay này là do ông Phan Văn H trực tiếp vay và ký nhận tiền, bà Hoa không liên quan số tiền vay này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay giữa ông Phan Văn H với Quỹ tín dụng thì phía ông Phan Văn H đã vi phạm hợp đồng tín dụng là không đóng lãi và trả tiền gốc cho Quỹ tín dụng đúng như thỏa thuận theo hợp đồng, để hợp đồng kéo dài đến nay là đã vi phạm vào Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Theo Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 có quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 có quy định: “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Như vậy, căn cứ vào điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005 thì ông Phan Văn H phải trả số tiền vay và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3. Tuy nhiên, hiện nay ông Phan Văn H đã chết nên Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn H là bà Nguyễn Thanh H, Phan Vĩnh P, Phan Minh K và bà Lê Thị S có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phan Văn H trong phạm vi khối di sản của ông Phan Văn H để lại là phù hợp với Điều 637 Bộ luật dân sự 2005.

Điều 637 Bộ luật dân sự 2005, có quy định thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại như sau:

1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp tài sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại.

- 3.....”.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị S yêu cầu từ chối nhận di sản và từ chối thực hiện nghĩa vụ trả nợ do ông Phan Văn H tại bản tự khai ngày 12/11/2016 và đơn xử vắng mặt ngày 12/11/2016 là không có cơ sở chấp nhận. Bởi, theo Điều 642 Bộ luật dân sự 2005 có quy định:

1. Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.

2. Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản; người từ chối phải báo cáo cho những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản, cơ quan công chứng hoặc ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm mở thừa kế về việc từ chối nhận di sản.

3. Thời hạn từ chối nhận di sản là 06 tháng, kể từ ngày mở thừa kế nếu không có từ chối nhận di sản thì được coi là đồng ý nhận thừa kế.

Tại khoản 1 Điều 633 Bộ luật dân sự 2005, có quy định:

Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Trong trường hợp Tòa án tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày được xác định tại khoản 2 Điều 81 của Bộ luật này.

Ông Phan Văn H chết ngày 09/7/2013, vậy thời điểm mở thừa kế là ngày 09/7/2013. Tuy nhiên, bà Lê Thị S từ chối nhận di sản vào ngày 12/11/2016 là đã quá sáu tháng kể từ ngày mở thừa kế và việc từ chối nhận di sản không có công chứng hoặc chứng thực theo Điều 642 Bộ luật dân sự 2005 nên việc từ chối nhận di sản của bà là không có giá trị. Do đó, bà phải có nghĩa vụ cùng với vợ và con ông Phan Văn H thực hiện nghĩa vụ do ông Phan Văn H để lại là thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 trong phạm vi di sản ông Phan Văn H để lại.

Đối với cháu Phan Minh K là người vị thành niên có bà Nguyễn Thanh H là người giám hộ nên không nhất thiết phải buộc cháu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Phan Văn H mà cần buộc bà Hoa là người giám hộ cho cháu có nghĩa vụ cùng với Phan Vĩnh P và bà Lê Thị S có nghĩa vụ trả nợ cho cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 trong khối di sản ông Phan Văn H chết để lại.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba theo hợp đồng thế chấp số 065/11 ngày 22/11/2012, nội dung vợ chồng ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N dùng tài sản của mình là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 931046, diện tích 262,8m<sup>2</sup>, đất vườn tạp, do UBND huyện An Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Thanh Hùng ngày 26/9/2001 để đảm bảo nợ vay cho ông Phan Văn H với số tiền vay gốc 150.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 12.11.065/HĐTD ngày 22/11/2012. Tuy nhiên, ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N cho rằng ông bà không có dùng tài sản của mình để thế chấp cho ông Phan Văn H vay vốn và cũng không ký tên vào hợp đồng thế chấp ngày 22/11/2012. Tòa án trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang giám định chữ ký và chữ viết của ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N trong hợp đồng thế chấp nêu trên. Tại bản kết luận giám định ngày 19/9/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã khẳng định: Chữ ký và chữ viết của ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N so với các mẫu so sánh không phải cùng một người ký và viết ra. Tại phiên tòa đại diện Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 và vợ chồng ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thanh H thống nhất hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số theo hợp đồng số 065/11 ngày 22/11/2012 là vô hiệu và đại diện Quỹ tín dụng thống nhất giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N. Hội đồng xét xử, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Hội đồng xét xử, xét thấy Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 cung cấp cho Tòa án hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/07, ngày 25/07/2013 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 072/04 ngày 25/4/2013, nội dung hai hợp đồng thế chấp là ông Phan Văn H đại diện hộ gia đình dùng tài sản là quyền sử dụng đất của vợ chồng ông để bảo đảm nợ vay cho hợp đồng tín dụng số 072 ngày 25/4/2013 và hợp đồng tín dụng số 13.07.105 ngày 25/7/2013. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thanh H cho rằng bà không ký tên vào hai hợp đồng thế chấp nói trên, hợp đồng do ông Phan Văn H tự ký và ký giả mạo tên bà. Đối với đại diện Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 cho rằng trước đây anh Phan Văn H là khách hàng quen thuộc nên khi làm hồ sơ giao cho ông Phan Văn H đem về đưa cho bà Nguyễn Thanh H ký tên nay mới biết ông Phan Văn H không đưa bà Hoa ký tên mà ông tự ký thay cho bà Hoa. Tại phiên tòa anh Việt đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 và bà Hoa không yêu cầu giám định chữ ký bà Hoa trong hợp đồng thế chấp mà anh Việt thống nhất với lời trình bày bà Hoa là đồng ý hai hợp đồng

này là do ông Phan Văn H ký thay bà Hoa. Hội đồng xét xử, xét thấy diện tích đất 57m<sup>2</sup>, tại thửa 376, tờ bản đồ 3-3, loại đất và diện tích 9.182m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn + 2 lúa tọa lạc tại khu vực 2, thị trấn T3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang là tài sản chung của vợ chồng ông Phan Văn Hùng và bà Nguyễn Thanh H. Tại Điều 219 Bộ luật dân sự 2005 có quy định “tài sản chung của vợ chồng là tài sản chung hợp nhất”, tại khoản 2 Điều 26 Luật hôn nhân và gia đình có quy định “ Trường hợp vợ hoặc chồng có tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng tài sản tự mình xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch với người thứ ba trái với quy định về đại diện giữa vợ và chồng của luật này thì giao dịch đó vô hiệu, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật mà người thứ ba ngay tình được bảo vệ quyền lợi. Do đó, hai hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên là vô hiệu.

Theo Điều 137 Bộ luật dân sự 2005, quy định hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên từ thời điểm xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.

Vậy hai hợp đồng thế chấp trên vô hiệu không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự từ thời điểm giao kết.

Xét về lỗi, do ông Phan Văn H tự ý ký tên thay cho bà Nguyễn Thanh H trong khi chưa có ý kiến của bà Hoa nên ông Hùng có lỗi làm cho hợp đồng thế chấp vô hiệu. Ngoài ra, Quỹ tín dụng cũng có phần lỗi là giao hợp đồng cho ông Hùng đem về nhà cho bà Hoa ký từ đó mới dẫn đến ông Hùng đã giả mạo và ký thay cho bà Hoa. Tuy nhiên, trong vụ án này các đương sự không yêu cầu Tòa án xét lỗi hợp đồng vô hiệu để yêu cầu người có lỗi bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Như vậy, Quỹ tín dụng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Hùng, bà Hoa thì sẽ có nghĩa vụ trả lại giấy cho bà Hoa cùng với hàng thừa kế thứ nhất của ông Hùng.

Vậy số nợ ông Phan Văn H vay của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 theo ba hợp đồng tín dụng nói trên xem như không có thể chấp tài sản bảo đảm nợ vay. Do đó, cần buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn H là bà Hoa, anh Phúc, bà Sự thực hiện nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 số tiền vay là 600.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Đối với số tiền vay 150.000.000đ theo hợp đồng vay số 12.11.065, ngày vay là 22/12/2012: ông Phan Văn H đã trả lãi đến ngày 04/01/2013. Vậy tiền lãi trong hạn từ ngày 05/01/2013 đến ngày 22/12/2013 là 351 ngày được tính như sau:  $150.000.000đ \times 1,79\% \times 351 \text{ ngày} : 30 = 31.414.500đ$ , lãi quá hạn từ ngày 23/12/2013 đến ngày 01/9/2017 là 1.349 ngày:  $150.000.000đ \times 2.506\% \times 1.349 \text{ ngày} : 30 = 169.029.700đ$ . Vậy tổng tiền gốc và lãi là  $150.000.000đ + 31.414.500đ + 169.029.700đ = 350.444.200đ$ .

Đối với số tiền vay 150.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 13.04.072/HĐTD, ngày 25/4/2013. Tiền lãi trong hạn xác định từ ngày 06/5/2013 đến ngày 25/05/2014 là 384 ngày:  $150.000.000đ \times 1,5\% \times 384 \text{ ngày} : 30 = 28.800.000đ$ , lãi quá hạn từ ngày 26/5/2014 đến ngày 01/9/2017 là 1.194 ngày:  $150.000.000đ \times 2,25\% \times 1.195 \text{ ngày} : 30 = 134.437.500đ$ . Vậy tổng tiền gốc là  $150.000.000đ + 28.800.000đ$  (lãi trong hạn) +  $134.437.500đ$  (Lãi quá hạn) =  $313.237.500đ$ .

Đối với số tiền vay 300.000.000đ theo hợp đồng số 13.07.105/HĐTD, ngày 25/7/2013. Đại diện Quỹ tín dụng cho rằng ông Phan Văn H đã đóng lãi đến ngày 28/7/2013 nên lãi trong hạn được tính từ ngày 29/7/2013 đến ngày 29/7/2014 là 365 ngày,  $300.000.000đ \times 0,833\% \times 365 \text{ ngày} : 30 = 30.4405.000đ$ . Lãi quá hạn từ ngày 30/7/2014 đến ngày 01/9/2017 là 1.130 ngày,  $300.000.000đ \times 1,24\% \times 1.130 \text{ ngày} : 30 = 140.120.000đ$ . Tổng gốc và lãi là  $300.000.000đ + 30.405.000đ + 140.120.000đ = 470.525.000đ$ .

Vậy tổng tiền gốc và tiền lãi là:  $600.000.000đ + 350.444.200đ + 313.237.500đ + 470.525.000đ = 1.134.206.700đ$ , làm tròn 1.134.206.000đ. Trong đó, tiền gốc là 600.000.000đ và tiền lãi 534.206.000đ.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thanh H yêu cầu Quỹ tín dụng miễn toàn bộ số tiền lãi nói trên bà sẽ trả tiền gốc cho Quỹ tín dụng là 600.000.000đ. Hội đồng xét xử, xét thấy các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông Phan Văn H với Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 đã có hiệu lực pháp luật như Hội đồng xét xử đã phân tích ở phần trên nên các bên phải thực hiện thỏa thuận theo hợp đồng. Trường hợp này nếu Quỹ tín dụng đồng ý miễn toàn bộ tiền lãi theo yêu cầu của bà Hoa thì Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận. Tuy nhiên, Quỹ tín dụng không đồng ý với yêu cầu của bà Hoa nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của bà.

Từ các nhận định nêu trên, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3. Buộc bà Nguyễn Thanh H, Lê Thị S và anh Phan Vĩnh P có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 tổng số tiền 1.134.206.000đ trong phạm vi khối di sản ông Phan Văn H để lại.

[5] Về án phí DSST: Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.134.206.000đ, được xác định như sau:

Từ trên 800.000.000đ, mức án phí là 36.000.000đ + (334.206.000đ x 3% = 10.026.000đ) = 46.026.000đ (Bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3.

Buộc bà Nguyễn Thanh H, Phan Vĩnh P và bà Lê Thị S phải nộp án phí 46.026.000đ (Bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

[6] Về tiền chi phí giám định: 6.490.000đ (sáu triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng). Ông Đỗ Thanh H đã nộp xong số tiền này.

Yêu cầu của ông Đỗ Thanh H được chấp nhận nên không phải chịu tiền chi phí giám định. Buộc Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 trả lại cho ông Đỗ Thanh H 6.490.000đ (sáu triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

Xét thấy, kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và phát biểu ý kiến về nội dung vụ án là đúng quy định và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 26 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 219, 137, 471, 474, 633, 637, 642 Bộ luật Dân sự 2005; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3.

2. Buộc bà Nguyễn Thanh H , anh Phan Vĩnh P và bà Lê Thị S thực hiện nghĩa vụ do ông Phan Văn H chết để lại là trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 tổng số tiền 1.134.206.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng) trong phạm vi di sản do ông Phan Văn H để lại. Trong đó, số tiền vay gốc là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), tiền lãi tính đến 01/9/2017 là 534.206.000đ (Năm trăm ba mươi bốn triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng).

3. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba ngày 22/11/2012 giữa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 với với Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/07 ngày 25 tháng 7 năm 2013, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 072/04 ngày 25/4/2013 giữa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 với ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thanh H là vô hiệu.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 tự nguyện giao cho vợ chồng ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 931046, do UBND huyện An Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Thanh H ngày 26/9/2001.

5. Buộc Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 trả cho bà Nguyễn Thanh H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 232770 do Ủy ban nhân dân huyện An Biên cấp cho hộ ông Phan Văn H không ghi ngày tháng năm và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện An Biên cấp cho ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thanh H theo giấy số AI 801986, ngày 20/6/2007 sau khi bà Nguyễn Thanh H, Lê Thị S, anh Phan Vĩnh P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 theo bản án đã tuyên.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: 46.026.000đ (Bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thanh H, anh Phan Vĩnh P và bà Lê Thị S phải nộp án phí 46.026.000đ (Bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu ngàn đồng) trong phạm vi di sản do ông Phan Văn H để lại.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 17.464.000đ theo biên lai thu tiền số 07402 ngày 21/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên.

7. Về chi phí giám định: 6.490.000đ (sáu triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng). Ông Đỗ Thanh H đã nộp xong số tiền này.

Yêu cầu của ông Đỗ Thanh H được chấp nhận nên không phải chịu tiền chi phí giám định. Buộc Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T3 trả lại cho ông Đỗ Thanh H 6.490.000đ (sáu triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

8. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký và đóng dấu*

**Võ Thanh Huyền**